

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÀ  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mạc Văn Mùa
2. Ông Nguyễn Đức Trọng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2021, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1990

**\* Bị đơn:** Anh Dương Văn T, sinh năm 1988

Đều có địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh H.

**\* Người làm chứng:**

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh T.

+ Ông Dương Văn Ng, sinh năm 1960.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966.

Đều có địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh H.

*(Tại phiên tòa, có mặt chị H, anh T. Những người làm chứng vắng mặt và trước đó đều có ý kiến xin xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Dương Văn T kết hôn ngày 06/1/2014 trên cơ sở tự

nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế; anh T mãi chơi, thường xuyên đi qua đêm, không có trách nhiệm với gia đình. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không những không thay đổi mà còn đánh đập chị và đập phá đồ đạc trong nhà. Vợ chồng chị đã sống ly thân gần một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Dương Khánh B, sinh ngày 28/11/2014. Hiện cháu B đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nghề kinh doanh buôn bán quần áo, thu nhập trung bình là 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày việc đăng ký kết hôn như chị H đã khai. Quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Một số lần do bức quá anh có tát chị H. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ. Vợ chồng anh đã sống ly thân mỗi người một nơi. Đến nay anh xác định không còn tình cảm với chị H nên nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung, tên tuổi như chị H trình bày. Khi ly hôn anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm bên xây dựng, thu nhập trung bình khoảng 10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

\* Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng chị H, anh T trong quá trình chung sống có nảy sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và thiếu tin tưởng nhau. Về con chung: Vợ chồng anh T, chị H có 01 con chung là cháu B. Hiện cháu B đang ở với mẹ. Anh T và chị H đều đủ điều kiện để nuôi con.

\* Lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị H thể hiện: Bà sống gần nhà bố mẹ đẻ của anh T, đồng thời bà là Chi hội trưởng hội phụ nữ thôn K. Trong quá trình vợ chồng chị H chung sống, bà thấy anh T, chị H có nảy sinh mâu thuẫn. Thông qua dư luận, đồng thời được nghe chị H kể là anh T mãi chơi, không tu chí làm ăn, đi chơi về khuya mà chị H không ra mở cửa nhanh là anh T lại đánh chị H. Vì vậy mà cháu B rất sợ bố. Vợ chồng chị H đã sống ly thân từ lâu. Chị H làm nghề buôn bán quần áo, còn anh T đi làm công ty.

\* Lời khai của người làm chứng là ông Dương Văn Ng (bố đẻ anh T) và

bà Nguyễn Thị X (mẹ đẻ chị H) thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh T có mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không cải thiện. Nay chị H xin ly hôn, anh T đồng ý nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn nhau để sớm ổn định cuộc sống các bên. Ngoài ra ông Ng còn ý kiến nếu Tòa án giao con cho anh T nuôi, gia đình ông sẽ hỗ trợ anh T chăm sóc cháu B; và bà X cũng ý kiến nếu chị H được giao nuôi con, gia đình bà sẽ hỗ trợ chị H chăm sóc nuôi dạy cháu B.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn, bị đơn trình bày và giữ nguyên lời khai, quan điểm của mình như đã nêu trên.

Ngoài ra, bị đơn còn cho rằng điều kiện nuôi con của anh tốt hơn chị H, vì anh có công việc ổn định, môi trường sống ở xã V cũng khá tốt, anh còn được bố mẹ hỗ trợ chăm sóc nuôi con. Vì vậy đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX), nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Dương Văn T. Về con chung: Giao con chung là Dương Khánh B, sinh ngày 28/11/2014 cho chị H nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, những người làm chứng đều vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H, anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh H trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh T đã nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên đánh chửi nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng có

nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế, vợ chồng thiếu tôn trọng, thiếu tin tưởng nhau. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng nên chị H xin ly hôn, anh T nhất trí. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H là phù hợp với quy định của Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng chị H có 01 con chung là Dương Khánh B, sinh ngày 28/11/2014. Xem xét nguyện vọng xin nuôi con của nguyên đơn, bị đơn, thấy: Anh T, chị H không ai bị kết án hay xử phạt về hành vi ngược đãi trẻ em, đều được gia đình hỗ trợ chăm sóc cháu B nếu được giao nuôi con. Tuy nhiên, hiện chị H có công việc và thu nhập tương đối ổn định, trong khi anh T không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh về việc làm và thu nhập của mình. Anh T đi làm xa, lại làm về xây dựng; còn chị H kinh doanh buôn bán tại nhà nên thời gian trông nom, chăm sóc con cái của chị H sẽ chủ động hơn anh T. Mặt khác, hiện nay cháu B đang ở với mẹ nên nếu giao cháu B cho chị H sẽ tránh được sự xáo trộn lớn về môi trường sống của con chung. Ngoài ra, cháu B có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Tuy với độ tuổi hiện nay của cháu B (gần đủ 7 tuổi) không thuộc trường hợp phải lấy ý kiến của con chung khi giải quyết vụ án, nhưng đây cũng là một tài liệu tham khảo thêm để đánh giá mức độ quan tâm, gần gũi của bố mẹ đối với con cái. Bởi qua lời khai của người làm chứng là bà H cho thấy việc anh T đánh chị H khiến cháu B rất sợ bố. Vì vậy, nếu giao con cho một người có hành vi bạo lực trong gia đình, khó kiềm chế được cảm xúc, hành vi như anh T sẽ làm ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tính cách, tâm lý của trẻ nhỏ. Bên cạnh đó, xét cháu B vẫn còn nhỏ, lại là con gái, rất cần sự quan tâm, chăm sóc tỉ mỉ, chu đáo của người mẹ. Từ những phân tích trên, HĐXX thấy cần giao cháu B cho chị H nuôi dưỡng để đảm bảo cao nhất quyền lợi của con chung chưa thành niên khi có bố mẹ ly hôn nhau.

Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên được chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung*: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết về quan hệ tài sản trong vụ án này.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn tự nguyện chịu cả 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được HĐXX chấp nhận. Hoàn lại cho nguyên đơn 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Khánh B, sinh ngày 28/11/2014 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.*

3. Về án phí: Chị Lê Thị H chịu 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003811 ngày 30/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị H đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí. Hoàn trả chị Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000đ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩ, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Vũ Thị Nhung**